



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Tel: 024 3768 4495 | Fax: 024 3768 4490 | Website: www.sci.pro.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

Hà Nội, tháng 04 năm 2018



MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY	3
1. Thông tin khái quát:	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	4
3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty	5
4. Định hướng phát triển	6
5. Các rủi ro	7
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	9
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	9
2. Tổ chức và nhân sự	Error! Bookmark not defined.
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	14
4. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ	15
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	16
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	17
2. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ	17
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	Error! Bookmark not defined.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	18
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty	20
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty	21
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	22
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	24
1. Hội đồng quản trị	24
2. Ban kiểm soát	28
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát	28
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	29

I. THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Thông tin khái quát:

Tên tiếng Việt : CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tên tiếng Anh : SCI JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : SCI., JSC

Logo : 

Trụ sở chính : Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội.

Điện thoại : (+84-24) 3768 4495

Fax : (+84-24) 3768 4490

Website : www.sci.pro.vn

Vốn điều lệ đăng ký: 388.491.390.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Vốn điều lệ thực góp : 388.491.390.000 đồng (Ba trăm tám mươi tám tỷ, bốn trăm chín mươi một triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Giấy chứng nhận ĐKKD số : 0101405355 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 12 ngày 25/10/2016.

Ngày trở thành công ty đại chúng: 22/12/2006

Quá trình hình thành phát triển:

Tiền thân Công ty là Xí nghiệp Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 903 – trực thuộc Công ty Xây lắp thi công Cơ giới Sông Đà 9 - Tổng Công ty Sông Đà. Theo Quyết định số 05/TCT-TCLD ngày 23/12/1998 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà.

Nhiệm vụ: Chuyên thi công xây dựng cầu đường, đào đắp san nền, chuẩn bị các điều kiện để tham gia thi công xây dựng thủy điện Sơn La.

Năm 2003:

Ngày 19 tháng 08 năm 2003 Công ty cổ phần Sông Đà 909 chính thức được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Nhiệm vụ: Thi công các công trình công nghiệp thủy điện, giao thông trên khắp mọi miền đất nước: Nhà máy thủy điện Playkrông, NMTĐ Tuyên Quang, NMTĐ Se San 3, Công trình đường Hồ Chí Minh, Đường Quốc lộ 1A, Các hạng mục phụ trợ NMTĐ Sơn La.

Năm 2006:

Thực hiện mở rộng quy mô phát triển sản xuất kinh doanh, cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 909 (mã S99) chính thức niêm yết và giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/12/2006, theo Quyết định số 67/QĐ-TTGDHN ngày 06/12/2006 của Giám đốc Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Nhiệm vụ: Tập trung thi công các công trình thủy điện: Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Nậm Chiến, Nhà máy thủy điện Lai Châu; Các công trình giao thông: Đường mòn Hồ Chí Minh, Mở rộng đường Quốc lộ 1- Phú Yên, Tỉnh lộ 127 - Lai Châu, Tỉnh lộ Nam Quảng Nam; Bệnh viện Việt Tiệp Hải Phòng

Năm 2014:

Công ty cổ phần Sông Đà 9 thực hiện thoái hết phần vốn nhà nước tại Công ty cổ phần Sông Đà 909.

Thời điểm này Công ty tập trung hoàn thành các hạng mục cuối cùng của các công trình dự án Nhà máy thủy điện Sơn La, Nhà máy thủy điện Nậm Chiến, Nhà máy thủy điện Lai Châu và các công trình giao thông khác.

Năm 2015:

Công ty cổ phần Sông Đà 909 đổi tên thành Công ty cổ phần SCI, đồng thời tăng vốn điều lệ đến 370 tỷ đồng; Cơ cấu lại nguồn vốn, tăng năng lực tài chính và năng lực bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty; Xây dựng nhận diện thương hiệu mới và định hướng tái cấu trúc hoạt động mở rộng sản xuất kinh doanh, đầu tư tài chính, thi công xây lắp và phát triển đầu tư trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng, giao thông.

Năm 2016:

Mở rộng và phát triển hoạt động, Công ty cổ phần SCI trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn, hoạt động theo mô hình công ty mẹ-con. Mỗi đơn vị thành viên được định hướng phát triển theo tiềm năng và lợi thế của mình dựa trên chiến lược phát triển của Công ty mẹ; đồng thời tham gia liên kết thực hiện theo mục tiêu giá trị cốt lõi của toàn hệ thống.

Năm 2017:

Công ty cổ phần SCI cùng các đơn vị thành viên trong toàn hệ thống (SCIGROUP) có tổng giá trị tài sản hơn 1.500 tỷ đồng với gần 700 CBCNV lao động, đang thực hiện nhiệm vụ kế hoạch phát triển thi công xây lắp và đầu tư các dự án năng lượng thủy điện trên khắp các vùng miền của đất nước và nước bạn Lào.

Cụ thể như:

- Dự án thủy điện Ca Nan 1: Công suất 16 MW – KH phát điện vào Quý 1/2018.
- Dự án thủy điện Ca Nan 2: Công suất 7 MW – KH phát điện vào Quý 4/2018.
- Khảo sát lập các dự án đầu tư thủy điện Nậm Xe, thủy điện Nậm Lùm tại Lai Châu; Dự án thủy điện Mường Luân tại Điện Biên.
- Nghiên cứu khảo sát dự án Điện mặt trời, điện gió tại các tỉnh phía nam.
- Thi công công trình dự án Nhiệt điện Long Phú.
- Thi công công trình Thủy điện Nam Theun 1 (tại Nước CHDCND Lào).
- Và nhiều công trình đường giao thông khác trên khắp cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh:

- Nhận thầu thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, bưu điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây và trạm biến thế điện, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình xây dựng cấp thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực, lắp đặt hệ thống điện lạnh, trang trí nội thất, gia công lắp đặt khung nhôm các loại;

- Nhận thầu thi công bằng phương pháp khoan nổ mìn;

- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;

Địa bàn kinh doanh:

- Khắp các vùng miền trong cả nước: Tập trung các vùng Tây Bắc, Miền Trung và Đồng bằng sông cửu long;

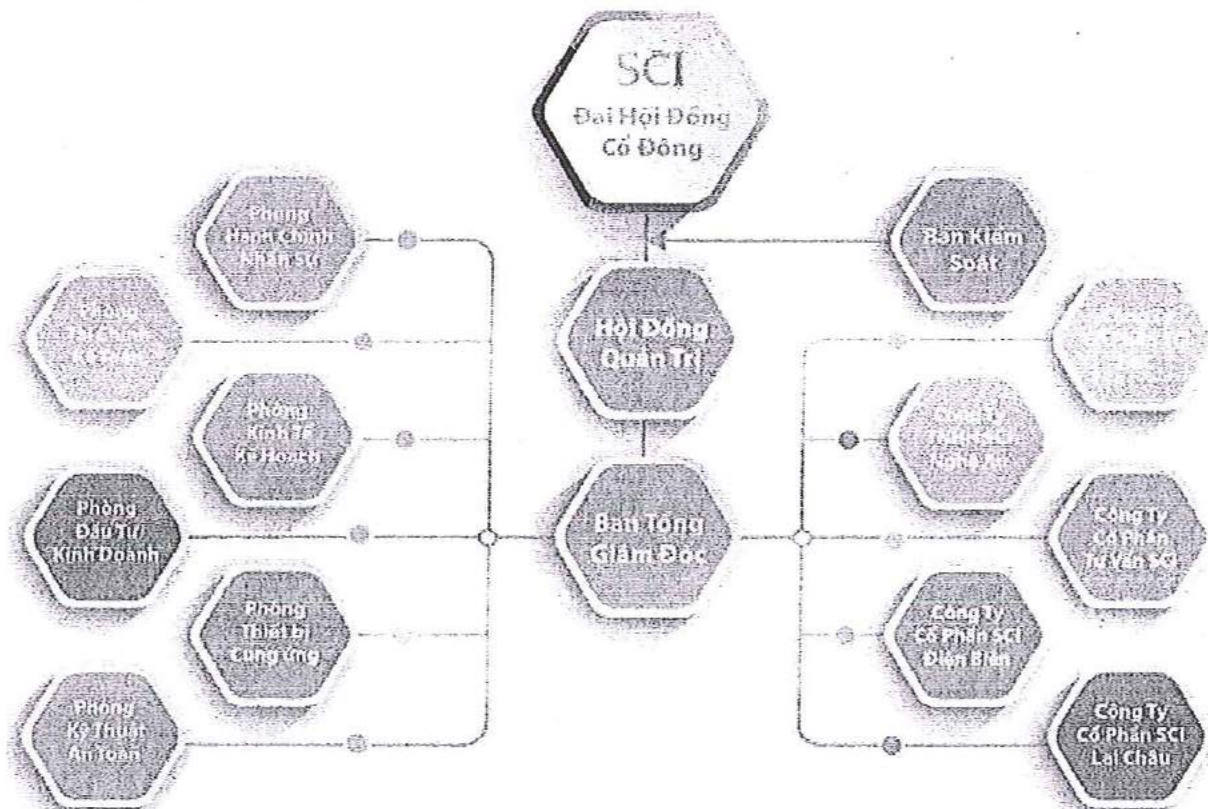
- Nước bạn CHDCND Lào.

3. Mô hình quản trị, cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

Mô hình quản trị.

- Đại hội đồng cổ đông,
- Hội đồng quản trị,
- Ban kiểm soát
- Tổng Giám đốc

Cơ cấu bộ máy quản lý.



Các công ty con, công ty liên kết:

1. Công ty cổ phần SCI E&C:

Địa chỉ: Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Thi công xây lắp các công trình công nghiệp thủy điện, hạ tầng, giao thông thủy bộ trên khắp cả nước và nước bạn Lào.

Vốn điều lệ:

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51% Vốn điều lệ

2. Công ty cổ phần Tư vấn SCI:

Địa chỉ: Đường Mễ Trì, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Lĩnh vực SXKD chính: Tư vấn thiết kế và quản lý dự án.

Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 96% Vốn điều lệ

3. Công ty TNHH SCI Nghệ An:

Địa chỉ: Bản Huồi thờ, xã Hữu kiếm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Nghệ An.

Vốn điều lệ: 245.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51% Vốn điều lệ

4. Công ty cổ phần SCI Lai Châu:

Địa chỉ: Thôn Tây Sơn, xã Mường So, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Lai Châu.

Vốn điều lệ: 250.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51% Vốn điều lệ

5. Công ty cổ phần SCI Điện Biên:

Địa chỉ: .

Lĩnh vực SXKD chính: Đầu tư, kinh doanh khai thác các dự án thủy điện tại Điện Biên.

Vốn điều lệ:

Tỷ lệ sở hữu của SCI: 51% Vốn điều lệ

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- + Là doanh nghiệp chuyên sâu trong việc thực hiện dự án năng lượng tái tạo, môi trường và hạ tầng.
- + Đầu tư và thi công trong lĩnh vực thủy điện, nhiệt điện, giao thông đường bộ, đường thủy, bến cảng, các công trình ngầm, các dự án xử lý rác, đầu tư nhà máy nước, xử lý nước thải...
- + Mục tiêu cụ thể năm 2018 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Hợp nhất	Công ty mẹ
1	Tổng giá trị SXKD	10 ⁶ đ	1.133.146	196.185
2	Tổng giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	490.450	14.000
3	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	929.320	221.604
4	Thu tiền về tài khoản	10 ⁶ đ	1.370.158	219.410
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	5.424	28.540

+ Mục tiêu phát triển bền vững (đối với môi trường, xã hội và cộng đồng):

Với Xã hội: Góp phần tạo dựng nền tảng cho một Xã hội văn minh trường tồn.

Với Khách hàng và Đối tác: Tạo sự tin cậy, đúng hẹn, tôn trọng

Với Người lao động trong Công ty: Thu nhập tốt, đối xử công bằng, chuyên nghiệp, thân thiện, được tôn trọng được khẳng định bản thân.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro từ nền kinh tế

❖ Rủi ro tăng trưởng

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nguyên nhân quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực trong xã hội. Tăng trưởng kinh tế sẽ làm tăng nhu cầu chi tiêu trong xã hội, thúc đẩy gia tăng sản lượng công nghiệp, tăng đầu tư của cá nhân và pháp nhân trong nền kinh tế.

Tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng chịu tác động của tốc độ tăng trưởng GDP và trong dài hạn tốc độ tăng trưởng ngành Xây dựng tương quan thuận với tốc độ tăng trưởng GDP trong toàn nền kinh tế. Do bản chất nền kinh tế Việt Nam vẫn thuộc nhóm nền kinh tế đang phát triển, chi tiêu đầu tư xây dựng cơ bản là một trong những động lực thúc đẩy tăng trưởng dài hạn nền kinh tế.

Việc điều hành nền kinh tế một cách ổn định và hiệu quả của Chính phủ sẽ giúp giảm thiểu các rủi ro kinh tế cho các doanh nghiệp nói chung và cho Công ty nói riêng.

❖ Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với biến động của lạm phát.

Hoạt động của các doanh nghiệp đầu tư, sản xuất kinh doanh thi công xây lắp như Công ty Cổ phần SCI luôn chịu tác động trực tiếp từ tỷ lệ lạm phát. Sự biến động của lạm phát trong thời gian qua ảnh hưởng trực tiếp tới giá cả đầu vào, cũng như nhu cầu tiêu thụ sản phẩm đầu ra của Công ty. Để hạn chế rủi ro về lạm phát, Công ty luôn chủ động trong việc ký các hợp đồng cung cấp nguyên nhiên vật liệu đầu vào với các nhà cung cấp truyền thống và có kế hoạch chủ động điều chỉnh giá bán cho khách hàng dựa trên những dự báo về tình hình lạm phát.

❖ Lãi suất

Công ty Cổ phần SCI có sử dụng vốn vay ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Biến động lãi suất theo xu hướng giảm trong những năm gần đây có tác dụng tích cực, góp phần làm giảm chi phí lãi vay ngân hàng và tăng lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.2. Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu sự chi phối bởi hệ thống pháp luật và chính sách của Nhà nước, bao gồm: Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật về chứng khoán, các chính sách thuế, các cam kết hội nhập, các luật về đất đai, xây dựng, môi trường,... Đồng thời, Công ty cũng chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Nhà nước như định hướng phát triển ngành Xây dựng, những ưu đãi, khuyến khích hay hạn chế, các chính sách về thuế và quản lý môi trường. Bất kỳ một sự thay đổi nào trong các chính sách trên đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, gây ra biến động trong lợi nhuận.

Tuy nhiên, hiện nay hệ thống Pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách luôn có thể xảy ra, sự thay đổi có thể mang đến những thuận lợi nhưng cũng có thể tạo ra những bất lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Do đó, để hạn chế rủi ro này, Công ty phải thường xuyên theo dõi, cập nhật kịp thời những thay đổi trong môi trường pháp luật để định hoạt động kinh doanh cho phù hợp.

5.3. Rủi ro đặc thù

❖ Rủi ro biến động giá nhiên liệu đầu vào

Công nghệ thi công của Công ty chủ yếu dựa vào hệ thống máy móc thiết bị cơ giới hạng nặng. Để vận hành và sử dụng các thiết bị này, nhiên liệu đầu vào là yếu tố không thể thiếu. Hiện nay, nguồn nhiên liệu sử dụng trong nền kinh tế phần lớn phụ thuộc vào nhập khẩu. Trong thời gian qua, giá cả các loại nhiên liệu nhập khẩu biến động thất thường, chủ yếu là do những bất ổn về chính trị tại một số khu vực trên thế giới, hoặc do sự thay đổi trong chính sách khai thác, dự trữ nhiên liệu của một số quốc gia có nền công nghiệp dầu mỏ hoặc nền kinh tế phát triển. Để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của giá cả vật tư, nhiên liệu đầu vào đến kết quả kinh doanh, Công ty đã thực hiện ký kết các hợp đồng xây lắp có điều chỉnh giá trong những trường hợp giá cả các loại vật tư, nhiên liệu đầu vào biến động. Mặc dù vậy, có thể nói đây vẫn là rủi ro lớn đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

❖ Rủi ro khoản phải thu khó đòi

Do đặc điểm của ngành xây dựng, các công trình thi công thường kéo dài qua nhiều năm, thời gian quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thi công giữa các bên và thời gian thanh toán các công trình, hạng mục công trình kéo dài. Đặc điểm này tiềm ẩn rủi ro tài chính và khả năng trả nợ của Công ty khi có khách hàng bị phá sản, mất khả năng thanh toán, hoặc khi các công trình thi công bị thiệt hại do các nguyên nhân khách quan... Để giảm thiểu rủi ro này, công ty sẽ đánh giá kỹ các công trình thực hiện và năng lực tài chính của chủ đầu tư, yêu cầu chủ đầu tư ứng trước theo từng giai đoạn công trình.

❖ Rủi ro vận hành

Để đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chủ đầu tư về tiến độ thi công các công trình, hạng mục công trình, nhiều khi Công ty phải tiến hành thi công xây dựng trong những điều kiện thời tiết xấu, địa hình phức tạp, có thể xảy ra tai nạn lao động, hỏng hóc và ngưng trệ hoạt

động máy móc thiết bị, gián đoạn quá trình thi công, ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro khác

Các rủi ro nằm ngoài khả năng dự báo và vượt quá khả năng phòng chống của con người như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh,... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra. Công ty cũng đã xem xét và xây dựng một số kịch bản phòng ngừa rủi ro bất khả kháng nhằm giảm thiểu tối đa rủi ro cho Công ty và đảm bảo tính hoạt động liên tục.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ (% h.thành KH)
1	Giá trị SXKD	10 ⁶ đ	1,049,650	1,050,734	100%
2	Giá trị đầu tư	10 ⁶ đ	737,055	548,635	74%
3	Tổng doanh số	10 ⁶ đ	1,045,938	1,029,473	98%
4	Tổng doanh thu	10 ⁶ đ	607,289	598,310	96%
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	211,664	224,032	106%
-	Công ty con	10 ⁶ đ	847,654	880,118	104%
-	Doanh thu nội bộ	10 ⁶ đ	452,029	505,840	112%
5	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	15,711	(12,379)	
-	Công ty mẹ	10 ⁶ đ	12,411	49,577	399%
-	Công ty con	10 ⁶ đ	18,000	19,067	106%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Ban điều hành hiện tại

- Ông Lương Thanh Tùng	- Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Đoàn Thế Anh	- Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23/06/2015
- Ông Nguyễn Văn Phúc	- Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
- Ông Phạm Văn Nghĩa	- Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/11/2017

- Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng

Bổ nhiệm ngày 05/09/2017

❖ **TÓM TẮT LÝ LỊCH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

✚ **Ông Lương Thanh Tùng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 22/07/1978.
- CMTND số : 012863658 do CA Hà Nội cấp ngày 29/03/2006.
- Quốc tịch : Việt Nam.
- Địa chỉ thường trú: Số 27, ngõ 154, phố Phương Liệt, Quận Đống Đa, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng và Kỹ sư xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 08/2001 – 07/2010: Chuyên viên /Phó phòng /Trưởng phòng /Phó Tổng giám đốc Công ty tư vấn xây dựng Sông Đà. Kiêm nhiệm Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần tư vấn Sông Đà;
 - + 8/2010 – 01/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long.
 - + 01/2015 – 05/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Hạ Long kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9.
 - + 06/2015 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI, Thành viên HĐQT Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 315.000 cổ phần.

Trong đó:

- + Sở hữu: 315.000 cổ phần.
- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

✚ **Ông Nguyễn Văn Phúc - Thành viên HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc**

- Ngày sinh: 01/01/1966
- CMTND số : 112368321 cấp ngày: 05/3/2007 tại CA Hà Tây.
- Địa chỉ thường trú: 7B, Ao Sen 7, Mỗ Lao, thị xã Hà Đông, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế máy.
- Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 1990 – 1994: Phòng kinh tế kế hoạch Tổng công ty Sông Đà /Đại diện Tổng công ty Sông Đà Yaly;
 - + 1994 – 2001: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty Sông Đà 3;
 - + 2002 – 2005: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 9;

- + 2002– 04/2016: Trưởng phòng kinh tế kế hoạch /Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó TGD Công ty cổ phần Sông Đà 9.
- + 04/2016 – nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- Ông Đoàn Thế Anh - Thành viên HĐQT, kiêm phó Tổng Giám đốc**
 - Ngày sinh: 26/02/1978.
 - CMTND số : 034078000022 - cấp ngày 20/11/2017 - Nơi cấp: Cục CS ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân cư
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Địa chỉ thường trú: CT4-4, KĐT Mễ Trì Hạ, Mễ Trì, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
 - Trình độ văn hoá: 12/12.
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 03/2001 – 08/2004: Kỹ sư giám sát thuộc Công ty liên doanh Xây dựng Việt Nam - Cu Ba (VIC);
 - + 09/2004 – 08/2008: Phó ban quản lý dự án nhà máy thủy điện Tà Niết - CTCP thủy điện Tà Niết;
 - + 09/2008 – 10/2011: Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 908 – Công ty Cổ phần Sông Đà 9, trải qua các vị trí: Phó phòng thi công, Trưởng phòng thi công công trình thủy điện Sơn La và thủy điện Lai Châu;
 - + 11/2011 – 07/2012: Tổng đội thi công Núi Pháo-Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó tổng đội trưởng tổng đội thi công cơ giới Núi Pháo - Đại Từ - Thái Nguyên;
 - + 08/2012 - 10/2013: Chi nhánh Sông Đà 9.10 - Công ty cổ phần Sông Đà 9, làm Phó giám đốc thi công công trình đường cao tốc Hà Nội-Lào Cai, công trình Trạm biến áp 220KV Bảo Thắng -Lào Cai;
 - + 11/2013 - 06/2014: Giám đốc xây dựng - Ban điều hành gói thầu EPC bãi thải xỉ 2 - Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 2.
 - + 07/2014 - 06/2015: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Sông Đà 909.
 - + 06/2015 – 23/12/2015: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI.

- + 24/12/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc.
- Số cổ phần nắm giữ: 10.500 cổ phần.
- Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 10.500 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✚ **Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc**
 - Ngày sinh: 18/01/1975.
 - CMTND số : 013243492 - cấp ngày 30/10/2009 - Nơi cấp: CA Hà Nội
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Địa chỉ thường trú: P1210-CT5-N4-KĐT Mỹ Đình 2- Nam Từ Liêm , Hà nội .
 - Trình độ chuyên môn: Kỹ sư công trình thủy lợi.
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 07/1998 – 06/2002: Cán bộ Trung tâm Tư vấn 1 - Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
 - + 06/2002 – 06/2010: Phó giám đốc Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
 - + 06/2010 – 11/2017: Giám Trung tâm tư vấn xây dựng 1, Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà.
 - + 11/2017 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần SCI
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng giám đốc.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
 - Trong đó:
 - + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
 - Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.
- ✚ **Ông Nguyễn Văn Thắng – Kế toán trưởng**
 - Ngày sinh: 11/05/1988
 - Hộ chiếu số : B5906901 cấp ngày 10/10/2011
 - Quốc tịch: Việt Nam.
 - Địa chỉ thường trú: Hùng Lô, Việt Trì, Phú Thọ.

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán (Chuyên ngành Kiểm toán)
 - Các nghề nghiệp và chức vụ đã qua:
 - + 07/2010 - 6/2012: Làm trợ lý kiểm toán viên tại Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
 - + 09/2012 - 08/2016: Làm chuyên viên Kiểm toán nội bộ - Tập đoàn Viettel.
 - + 10/2016 - 08/2017: Kế toán trưởng Công ty TNHH Sovico Nghệ An.
 - + Từ tháng 09/2017 đến nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
 - Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng Công ty cổ phần SCI.
 - Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần.
- Trong đó:
- + Sở hữu: 0 cổ phần.
 - + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần.
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu: Không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: Không.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không.

2.2 Thay đổi Ban điều hành trong năm 2017

Bổ nhiệm:

- Ông Phạm Văn Nghĩa - Phó Tổng giám đốc Bổ nhiệm ngày 13/11/2017
- Ông Nguyễn Văn Thắng - Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 05/09/2017

Miễn nhiệm:

- Ông Nguyễn Quốc Chế - Phó Tổng giám đốc Miễn nhiệm ngày 05/09/2017
- Ông Cao Lữ Phi Hùng - Kế toán trưởng Miễn nhiệm ngày 05/09/2017

2.3 Cơ cấu nhân sự công ty và chế độ cho người lao động tại Công ty

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo giới tính		
1	Lao động Nam	13	59,91
2	Lao động Nữ	09	40,09
	Tổng cộng	22	100,00
	Phân loại theo trình độ		
1	Đại học và trên đại học	19	86,36
2	Cao đẳng và trung cấp	0	0
3	Lái xe, lái máy	2	9,09

4	Lao động phổ thông khác (nhà bếp)	1	4,55
	Tổng cộng	22	100,00

✚ Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Công ty thực hiện làm việc 8h/ngày, 5,5 ngày/tuần. Khi có yêu cầu về tiến độ công việc theo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh thì CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Chế độ bảo hiểm, nghỉ phép, nghỉ lễ, nghỉ tết, nghỉ ốm thai sản...: Công ty thực hiện trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định.

Thực hiện các ngày nghỉ theo đúng Bộ Luật lao động và hướng dẫn của Chính phủ đối với các kỳ nghỉ lễ, tết trong năm.

Điều kiện làm việc: Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất và an toàn cho CBCNV.

✚ Chính sách tuyển dụng thu hút nhân tài

Căn cứ kế hoạch nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm, Công ty đề ra những tiêu chuẩn tuyển dụng nhân sự cho từng vị trí, yêu cầu có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao, chủ động trong công việc, ...

Với những chính sách tuyển dụng sát với yêu cầu thực tế công việc, trong năm qua Công ty đã thu hút và đang xây dựng được đội ngũ nhân lực có năng lực và kinh nghiệm từ nhiều nguồn khác nhau. Các CBCNV trẻ và năng động của Công ty cổ phần SCI luôn được trau dồi kỹ năng, kinh nghiệm từ những chính sách đào tạo của Công ty. Với chủ trương lấy con người làm gốc, Công ty luôn tạo điều kiện cho người lao động được học tập, nâng cấp kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ.

✚ Chính sách khen thưởng, kỷ luật

Người lao động làm việc có hiệu quả cao, chất lượng phục vụ tốt, Ban Tổng giám đốc căn cứ vào kết quả lao động, quy chế của Công ty để xét thưởng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

3.1 Dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 1.

Hoàn thành toàn bộ phần xây dựng đồng thời với việc triển khai và lắp đặt thiết bị cơ điện trong quý IV năm 2018, chuẩn bị cho việc phát điện vào quý I năm 2019.

3.2 Dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 2.

Hoàn thành lắp đặt thiết bị, thí nghiệm hiệu chỉnh toàn nhà máy, đấu nối, sẵn sàng cho phát điện vào tháng 5 năm 2018.

3.3 Dự án thủy điện Nậm Lạm 2.

Hoàn thiện công tác thiết kế và các thủ tục pháp lý cho Dự án, dự kiến khởi công công trình chính : 02/09/2018.

3.4 Dự án thủy điện Nậm Lùm 1, Nậm Xe (Lai châu):

- Tiến hành các thủ tục cần thiết phục vụ cho việc cấp chủ trương đầu tư và công tác thiết kế cho Dự án.

3.5 Các dự án thủy điện Mường Luân 1 và Mường Luân 2.

- Tiến hành các thủ tục cần thiết phục vụ cho việc cấp chủ trương đầu tư và công tác thiết kế cho Dự án.

3.6 Tìm kiếm, phát triển các Dự án thủy điện khác.

- Tiếp tục tìm kiếm và nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện tại các khu vực miền núi phía Bắc, khu vực miền trung và tại nước CHDCND Lào.

4. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ**4.1 Tình hình tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng (+) giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	572,062,509,391	623,125,906,778	8.9%
Doanh thu thuần	115,161,749,106	164,381,561,714	42.7%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21,448,108,253	48,808,417,817	127.6%
Lợi nhuận khác	(2,481,915,457)	254,534,187	(110.3)%
Lợi nhuận trước thuế	18,966,192,796	49,062,952,004	158.7%
Lợi nhuận sau thuế	16,847,874,945	38,285,106,763	127.2%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
<i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	6,25	1,42
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn		6,01	1,40
<i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,24	0,24
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu		0,32	0,32
<i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán /Hàng tồn kho bình quân	Vòng	7,11	20,64
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân		0,21	0,28

<i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0,15	0,23
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,04	0,08
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0,03	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh /Doanh thu thuần		0,19	0,30

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1 Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 38.849.139 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 38.849.139 cổ phần
- Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo pháp luật: 0 cổ phần

5.2 Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông theo danh sách do Trung tâm lưu ký chứng khoán chốt ngày 29/05/2017 như sau :

TT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng	Cổ phiếu sở hữu	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ trên Vốn điều lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	2.712	38.342.326	383.423.260.000	98,70%
	- Cá nhân	2.678	35.621.316	356.213.160.000	91,69 %
	- Tổ chức	34	2.721.010	27.210.100.000	7,00 %
2	Cổ đông ngoài nước	57	506.813	5.068.130.000	1,30%
	- Cá nhân	54	456.229	4.562.290.000	1,17 %
	- Tổ chức	3	50.584	505.840.000	0,13 %
Tổng cộng:		2.769	38.849.139	388.491.390.000	100%

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Không

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ:

Không

5.5 Các chứng khoán khác:

Không

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tổng quan về các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 theo báo cáo hợp nhất

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2017	% so với kế hoạch năm 2017
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	10 ⁶ đ	1,050,734	100%
2	Doanh thu	10 ⁶ đ	598,309	96%
3	Tiền về tài khoản	10 ⁶ đ	1,159,457	101%
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đ	(12,379)	-

1.2 Đánh giá chung tình hình thực hiện các mục tiêu chủ yếu năm 2017

Trong năm 2017, Công ty mẹ và các công ty con tiếp tục duy trì kết quả kinh doanh khả quan, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra:

- Hoàn thành mục tiêu tiến độ, chất lượng các công trình.
- Kinh doanh tài chính đảm bảo bảo toàn vốn và có hiệu quả

Mặc dù lợi nhuận Hợp nhất không đạt kế hoạch đặt ra, tuy nhiên nguyên nhân chủ yếu đến từ việc thay đổi chiến lược của Công ty từ hoạt động chủ yếu là thi công, xây lắp sang tập trung triển khai đầu tư các Dự án dài hạn, đồng thời với việc tự thực hiện phần lớn khối lượng xây lắp nhằm tiết giảm chi phí và nâng cao hiệu quả đầu tư của các Dự án này.

2. Tình hình tài chính tại Công ty mẹ

2.1 Tình hình tài sản

TT	Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2017
1	Tài sản ngắn hạn	609,516,251,345	746,853,247,759
2	Tài sản dài hạn	365,155,208,580	837,642,676,531
	Tổng tài sản	974,671,459,925	1,584,495,924,290
4	Nợ phải trả	474,594,806,286	959,851,971,197
5	Vốn chủ sở hữu	500,076,653,639	624,643,953,093
	Tổng nguồn vốn	974,671,459,925	1,584,495,924,290

Tại ngày 31/12/2017, Tổng tài sản của Công ty tăng mạnh so với đầu kỳ, cụ thể tăng từ 974,671 tỷ đồng lên 1.584,495 tỷ đồng, tăng hơn 609,824 tỷ đồng. Trong đó TSNH là 746,853 tỷ đồng, TSDH là 837,642 tỷ đồng. Quy mô tổng tài sản tăng đồng thời với sự dịch chuyển cơ cấu tài sản từ ngắn hạn sang dài hạn phản ánh sự thay đổi về chiến lược kinh doanh của Công ty, trong đó tập trung vào các dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế cao, mang lại lợi ích lâu dài cho Công ty.

2.2 Tình hình nợ phải trả

TT	Chi tiêu	31/12/2016	31/12/2017
	Nợ ngắn hạn	340,186,415,226	616,380,286,546
	Nợ dài hạn	134,408,391,060	343,471,684,651
	Nợ phải trả	474,594,806,286	959,851,971,197

Trong cơ cấu nợ, chủ yếu là Nợ ngắn hạn (616,380 tỷ đồng), Nợ dài hạn là: 343,471 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là khoản vay dài hạn phục vụ cho Dự án Xây dựng nhà máy Thủy điện Canan 1 và Canan 2. Tỷ lệ Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu của Công ty luôn duy trì và đảm bảo ở mức an toàn về tài chính (1,5 lần).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

“Chất lượng cho từng sản phẩm” luôn luôn là mục tiêu phấn đấu của Công ty cổ phần SCI, là uy tín, danh dự để công ty tồn tại và phát triển. Bằng những bước đi vững chắc, những điều Công ty muốn mang đến cho khách hàng mỗi ngày chính là sự tin tưởng cho từng dự án mọi lúc và mọi nơi. Công ty luôn không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng công trình cung cấp cho khách hàng, đặt lợi ích của khách hàng và cộng đồng lên hàng đầu.

Để đảm bảo được chất lượng tốt nhất cho mỗi công trình Công ty tạo ra, Công ty cam kết thiết lập và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng đáp ứng theo các yêu cầu của Tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2015, và cải tiến thường xuyên tính hiệu lực của Hệ thống chất lượng.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ nhân viên giàu nhiệt huyết, chuyên môn cao, làm việc chuyên nghiệp không ngừng phấn đấu vì mục tiêu chất lượng công trình.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty cổ phần SCI là: xây dựng và phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp mạnh đáp ứng các yêu cầu khắt khe về hội nhập kinh tế toàn cầu, là nhà thầu mạnh, nhà đầu tư hiệu quả góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Để thực hiện mục tiêu trên, đơn vị tập trung xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có chuyên môn giỏi, công nhân có tay nghề cao đáp ứng kịp thời yêu cầu công việc và sự tăng trưởng của Công ty. Bên cạnh đó, đơn vị tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị hợp lý trên cơ sở năng lực tài chính và yêu cầu của công việc.

Mục tiêu cụ thể như sau:

- Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng nhằm đem lại kết quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

- Mua lại các cơ hội kinh doanh thông qua việc đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các công ty có ngành nghề tương đồng phù hợp với định hướng phát triển của Công ty, đồng thời đầu tư thêm máy móc thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ cho định hướng hoạt động mới.

- Tập trung vào tìm kiếm các đầu việc, hợp đồng, cơ hội kinh doanh cho Công ty và quản lý tình hình hoạt động thông qua việc giám sát, giao khoán các phần việc cụ thể.

Công ty tin tưởng với sự tâm huyết, quyết tâm cao của toàn thể cán bộ, công nhân viên và chiến lược phát triển đúng đắn, Công ty cổ phần SCI sẽ đạt được mục tiêu đã đề ra.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty****1.1 Những việc đã làm được****Về định hướng chiến lược:****a) Định hướng chiến lược:**

- Đã xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng.
- Thực hiện tổ chức lại các bộ phận, đơn vị đảm bảo tinh gọn, phối hợp hoạt động hiệu quả.
- Cân đối năng lực thi công trên công trường nhằm giảm thiểu chi phí và tăng năng suất lao động.
- Thường xuyên tìm kiếm, thay đổi các đối tác cung cấp nguồn nguyên liệu nhằm ổn định sản xuất, giảm thiểu giá thành đầu vào nâng cao lợi nhuận SXKD của Công ty.

b) Công tác quản lý:

- Chú trọng công tác nhân sự từ các cấp quản lý tới các cá nhân trực tiếp thi công trên công trường. Liên tục tổ chức đào tạo và đào tạo lại tại chỗ đối với toàn thể CBCNV đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh chung của Công ty.
- Phân loại, thanh lý đối với các xe máy cũ có hiệu quả thi công thấp và tiến hành đầu tư mới nhằm nâng cao năng lực thi công của Công ty.
- Thực hiện đầy đủ quy trình, giám sát chặt chẽ công tác sử dụng máy móc thiết bị và đánh giá thường xuyên tiêu hao nhiên liệu, mặt khác kiểm soát tốt nguồn/sàng lọc nhà thầu cung cấp nguyên liệu, vật tư phục vụ công tác thi công trên công trường.
- Thường xuyên vận dụng, bổ sung sửa đổi các quy chế, quy định đảm bảo phù hợp với định hướng hoạt động của Công ty trong năm 2017 và các năm tiếp theo.
- Khai thác triệt để các tính năng ứng dụng của các phần mềm quản lý nhằm rút ngắn và đơn giản các quy trình thực hiện công việc tại mỗi công đoạn.

Về Công tác quản trị - Giám sát thực hiện:**a) Công tác Quản trị:**

- Tận dụng các cơ hội phát triển, mạnh dạn đầu tư vào các lĩnh vực mới bắt kịp xu hướng thời đại.
- Phát triển mạnh các nguồn lực sẵn có, tiến hành tái hình thành các phương tiện sản xuất lạc hậu nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

b) Giám sát thực hiện:

- Sát nhập, giải thể, bổ sung chức năng, nhiệm vụ của các phòng ban, bộ phận phục vụ hiệu quả cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chuyên môn.
- Phân tích hiệu quả đầu tư, tiến hành tạm dừng đối với các công trình, dự án chưa thực sự mang lại hiệu quả kinh tế, tập trung vào lĩnh vực hoạt động chính của Công ty.
- Cân đối xe phục vụ, điều động hợp lý đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rà soát các hợp đồng, chỉ đạo xuất toán đối với các hạng mục công trình dở dang.
- Trên cơ sở kế hoạch SXKD của Công ty phê duyệt lại quy chế trả lương, quy chế quản lý công tác Hợp đồng và quy chế làm việc áp dụng cho toàn Công ty.
- Thực hiện các chế độ liên quan đối với người lao động đảm bảo tăng cường gắn bó và đóng góp của mỗi CBCNV đối với Công ty.

1.2 Những việc chưa làm được

Bên cạnh những việc đã đạt được, Công ty còn một số tồn tại chưa giải quyết được cụ thể như sau:

- Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp: Chưa thực hiện triệt để việc sắp xếp, định biên nhân sự;
- Công tác thi công, nghiệm thu, bàn giao công trình: Một số công trình đã thi công xong nhưng chưa nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng, chưa được thanh quyết toán, ...
- Công tác thu hồi vốn và công nợ còn chậm

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty

Với chức năng điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban Tổng giám đốc có quyền quyết định các công việc liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, đồng thời có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Do đó hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc không chỉ ở việc tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT và còn đối với các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn của Ban Tổng giám đốc:

Đối với thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ về kế hoạch SXKD hàng năm được ĐHĐCĐ thông qua: Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm triển khai và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, bán niên với HĐQT để HĐQT nắm được và có quyết định điều chỉnh hoặc bổ sung kịp thời đối với những vấn đề phát sinh cần có quyết định của HĐQT. Với những vấn đề thuộc thẩm quyền phê chuẩn của ĐHĐCĐ thì HĐQT sẽ tiến hành các bước cần thiết theo quy định của pháp luật, của điều lệ công ty để có được sự phê chuẩn trong thời gian nhanh nhất để Ban Tổng giám đốc tiếp tục thực thi nhiệm vụ của mình một cách có hiệu quả.

Việc thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT: Đối với các quyết định của HĐQT mang tính chiến lược, kế hoạch phát triển trung và dài hạn thì trong quá trình triển khai Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện định kỳ, theo giai đoạn bằng văn bản, đồng thời qua các cuộc họp chuyên môn,... Với các quyết định khác quy định thời gian thực hiện, Ban Tổng giám đốc triển khai và thực hiện báo cáo kết quả ngay khi công việc kết thúc.

Ban TGD đã trực tiếp điều hành tập trung giải quyết, đổi mới bộ máy và cơ cấu tổ chức, thiết lập lại các quy định quy trình quản lý theo hướng phân định trách nhiệm từng vị trí, tiết kiệm nhân lực và chi phí hoạt động. Kết quả đã tạo dựng được hình ảnh mới của Công ty đang có uy tín và thuyết phục với nhiều đối tác. Các tồn đọng cũ đã lần lượt được kiểm soát và giải quyết.

Ban TGD đã triển khai thực hiện kịp thời và có hiệu quả các nghị quyết của HĐQT; đã nỗ lực bằng khả năng và từ nhiều mối quan hệ tìm kiếm có kết quả để Công ty thực hiện các dự án đầu tư như: Dự án thủy điện Can nan (đang gấp rút hoàn thành đầu tư, đưa vào hoạt động phát điện trong Quý II/2018), các dự án thủy điện Nậm Xe, Nậm Lùm (đang xúc tiến khảo sát lập dự án).

Hoạt động SXKD 2017 đã đặt ra các nền tảng và tiền đề cần thiết cho triển khai hoạt động SXKD của các năm tiếp theo. Với tình hình và kết quả đó HĐQT đánh giá Ban TGD đã thực hiện đúng chức trách và đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Tuy vậy Ban TGD còn cần phải tập trung quyết liệt hơn nữa trong công tác thu vốn, thu nợ cũ và tìm kiếm công trình dự án mới trong lĩnh vực giao thông hạ tầng; Xây dựng phát triển nguồn nhân lực để vươn ra cạnh tranh mạnh và rộng hơn. Cần chuẩn bị nguồn nhân lực phát triển bền vững trong nước và hướng ra nước ngoài.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

3.1 Định hướng

- Phê duyệt, bổ sung và chỉnh sửa tăng cường mở rộng mối quan hệ, tập trung tìm kiếm và chỉ đạo triển khai các dự án nhằm mục đích mở rộng hoạt động SXKD, tạo cơ hội tăng thu nhập cho CBCVN Công ty đồng thời khẳng định uy tín, tạo thương hiệu đối với các Chủ đầu tư;

- Ban hành các quy chế, quy trình làm việc của Công ty phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển về quy mô và năng lực của Công ty;

- Chỉ đạo ổn định công tác tổ chức, phê duyệt cơ cấu mô hình tổ chức sản xuất của Công ty phù hợp với thực tế SXKD, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Công ty;

- Chiến lược đào tạo con người, đặc biệt công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý và lực lượng lao động lành nghề đã được quan tâm hàng đầu, việc triển khai thực hiện đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện triển khai các dự án đầu tư có hiệu quả: Xe máy, thiết bị thi công phục vụ các dự án công ty đang tham gia thi công và định hướng đầu tư phù hợp đảm bảo tiến độ và kế hoạch;

- Phân tích nhu cầu, định hướng đầu tư máy móc, thiết bị, vật tư phù hợp đảm bảo ổn định sản xuất.

3.2 Chỉ đạo thực hiện và kế hoạch hành động

Năm 2018, toàn Công ty cần tập trung huy động mọi nguồn lực về tài chính, nhân lực, máy móc thiết bị, triển khai đồng bộ đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ sản xuất, với các mục tiêu và một số giải pháp trong từng lĩnh vực công tác sau:

3.2.1 Công tác thi công, thu hồi công nợ tại các công trình

- Đảm bảo mục tiêu tiến độ các công trình: Thi công các công trình hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng công trình theo hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư, thu hồi nợ nhanh chóng theo tiến độ xây dựng.

- Tiếp tục tìm kiếm, nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện / thi công công trình xây lắp trong lĩnh vực giao thông hạ tầng.

- Giám sát và chỉ đạo Công ty TNHH SCI Nghệ An (Công ty con) thực hiện hoàn thành đầu tư dự án thủy điện Ca nan phát điện nhà máy thủy điện Ca nan 2 vào Quý II/2018 và nhà máy thủy điện Ca nan 1 vào Quý I/2019.

3.2.2 Công tác đầu tư

- Cân đối năng lực xe máy thiết bị hiện có và nhu cầu mở rộng SXKD, thực tế sản xuất, Tổng Giám đốc Công ty trình HĐQT phê duyệt các dự án đầu tư nhằm nâng cao năng lực thiết bị thi công hiện đại.

- Chỉ đạo thực hiện khảo sát lập và phê duyệt các dự án thủy điện Nậm Xe, Nậm Lùm, và Mường Luân tiếp tục tìm kiếm các dự án thủy điện và môi trường để nghiên cứu đầu tư

3.2.3 Công tác tiếp thị, đấu thầu

- Tăng cường công tác tiếp thị, từng bước mở rộng thị trường để chuẩn bị cho kế hoạch SXKD năm 2018 và các năm tiếp theo;

- Nắm tình hình, chuẩn bị các điều kiện để tham gia đấu thầu những gói thầu thuộc các dự án lớn.

- Có báo cáo đánh giá, rút kinh nghiệm trong quá trình triển khai các dự án trước đây trong tất cả các khâu (đấu thầu, đàm phán, ký kết hợp đồng với CĐT...) đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các dự án, công trình chuẩn bị thực hiện.

3.2.4 Công tác tổ chức, đổi mới doanh nghiệp

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các phòng chức năng theo chuyên ngành nhằm giải quyết tốt các nghiệp vụ phát sinh; Củng cố và tăng cường lực lượng làm công tác thị trường và hồ sơ dự thầu các công trình;

- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành các mục tiêu tiến độ trên các công trình đang thi công.

- Theo dõi, đánh giá việc áp dụng quy chế trả lương mới nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho công ty.

- Tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định quản lý nội bộ cho phù hợp với pháp luật và thực tế hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu tối đa chi phí quản lý, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất;

- Xây dựng cẩm nang điều hành cho toàn bộ các lĩnh vực liên quan trong và ngoài lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Tiếp tục các hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp: xây dựng nguồn nhân lực, phát triển hình ảnh thương hiệu công ty, nâng năng lực cạnh tranh/đấu thầu trong nước và từng bước phát triển hoạt động đầu tư kinh doanh trên thị trường ngoài nước.

- Ban hành các nội quy quy chế tăng cường công tác quản trị vốn, hoạt động đầu tư dự án, đầu tư tài chính chuyên sâu và chuyên nghiệp, thống nhất áp dụng cho các công ty con

3.2.5 Công tác Kinh tế - Kỹ thuật – Tài chính kế toán

- Quản lý chặt chẽ tiến độ, chất lượng các công trình thi công, duy trì và thực hiện nghiêm túc về việc giám sát thi công;

- Bám sát Chủ đầu tư để kịp thời giải quyết các vướng mắc về thiết kế, biện pháp thi công, dự toán để đẩy nhanh tiến độ thu vốn;

- Tập trung triển khai thi công đúng tiến độ các công trình nhằm hoàn thành xuất sắc kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế đã đề ra;
- Các phòng thường xuyên kết hợp với các đội trong công tác thanh, quyết toán công trình đã và đang thi công;
- Kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí, sử dụng vốn hợp lý, kịp thời hạch toán bảo đảm phản ánh đúng tình hình, hiệu quả SXKD;
- Thu hồi công nợ: Đẩy nhanh tiến độ thu vốn, công nợ các hạng mục công trình đang thi công. Đôn đốc các đơn vị có liên quan hoàn tất thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ tồn đọng.
- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc hoạt động và bảo đảm chế độ của mạng lưới an toàn viên. Triển khai kiểm tra việc thực hiện biện pháp đảm bảo an toàn trong ngành xây dựng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1 Thành viên HĐQT và cơ cấu của HĐQT

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	1.420.000	3,66	
2	Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	315.000	0,81	Kiểm Tổng Giám đốc
3	Ông Lê Việt Dũng	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT	10.500	0,027	Kiểm Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	0	0	Kiểm Phó Tổng Giám đốc

1.2 Các tiểu ban thuộc HĐQT

Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban.

1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị

1.3.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự

1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch	16/16	100%	
2	Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên	16/16	100%	
3	Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên	16/16	100%	
4	Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên	16/16	100%	
5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên	16/16	100%	

1.3.2 Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng giám đốc

- Giám sát thực hiện các hoạt động đầu tư dự án, hoạt động sản xuất kinh doanh, thông qua kết quả SXKD hàng quý của Công ty.

- Lựa chọn và phê duyệt đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

- Sửa đổi và phê duyệt ban hành các Quy chế quản trị nội bộ Công ty: Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế quản lý và phân cấp hoạt động đầu tư, Quy chế quản lý và hoạt động của người đại diện tại doanh nghiệp có vốn góp của SCI.

- Phê duyệt và giám sát chỉ đạo thực hiện kế hoạch đầu tư dự án thủy điện Ca Nan, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp và đổi tên Công ty TNHH Năng lượng SOVICO - NGHỆ AN thành Công ty TNHH SCI Nghệ An.

- Phê duyệt các kết quả và báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

1.3.3 Các nghị quyết của Hội đồng quản trị

TT	Số nghị quyết	Ngày /tháng	Nội dung
1.	01/2017/NQ-HĐQT	04/01/2017	Thông qua hồ sơ yêu cầu Gói thầu "CN1-EPC: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc dự án NMTĐ Ca Nan 1
2.	05/2017/QĐ-HĐQT	19/01/2017	Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý IV/2016 và Kế hoạch nhiệm vụ Quý I/2017
3.	06/2017/NQ-HĐQT	21/01/2017	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu "Gói thầu CN1-TV-07: Tư vấn lập TKKT&DT Xây dựng công trình" dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 1.
4.	08/2017/NQ-HĐQT	17/02/2017	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CN1-EPC: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc dự án NMTĐ Ca Nan 1
5.	11/2017/NQ-HĐQT	25/02/2017	Thông qua nội dung hợp đồng thực hiện Gói thầu CN1-EPC: Thiết kế bản vẽ thi công, cung cấp, lắp đặt thiết bị và thi công xây dựng công trình" thuộc dự án NMTĐ Ca Nan 1
6.	12a/2017/NQ	25/02/2017	Phê duyệt phương án thanh lý tài sản cố định

TT	Số nghị quyết	Ngày /tháng	Nội dung
	-HĐQT		
7.	15/2017/NQ-HĐQT	03/03/2017	Thông qua phê duyệt thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán dự án nhà máy thủy điện Ca Nan 2
8.	16/2017/NQ-HĐQT	03/03/2017	Thông qua các nội dung thực hiện Gói thầu CN1-TV-15 thuộc DA NMTĐ ca nan 1 và Gói thầu CN2-TV-19 thuộc DA NMTĐ Ca nan 2 (đào tạo lý thuyết cho công nhân vận hành NMTĐ Ca nan 1 và Ca nan 2)
9.	17/2017/NQ-HĐQT	08/03/2017	Thông qua kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu CN1-TV-13 kiểm toán công trình thuộc DA NMTĐ Ca nan 1 và Gói thầu CN2-TV-17 Kiểm toán công trình thuộc DA NMTĐ Ca Nan 2.
10.	25/2017/QĐ-CT HĐQT	30/03/2017	Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban truyền thông SCI
11.	26/2017/QĐ-CT HĐQT	30/03/2017	Thành lập Ban truyền thông SCI
12.	27/2017/NQ-HĐQT	31/03/2017	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Tư vấn thiết kế thuộc dự án thủy điện Mường Luân.
13.	31/2017/NQ-HĐQT	21/04/2017	Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý I/2017 và Kế hoạch nhiệm vụ Quý II/2017
14.	32/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	Phê duyệt Quy chế quản lý hợp đồng của Công ty cổ phần SCI
15.	33/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	Phê duyệt Quy chế quản lý và hoạt động của Người đại diện tại Doanh nghiệp có vốn góp của SCI
16.	34/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	Phê duyệt Quy chế quản lý và phân cấp đầu tư của Công ty cổ phần SCI
17.	35/2017/NQ-HĐQT	28/04/2017	Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần SCI
18.	38/2017/NQ-HĐQT	12/05/2017	Thông qua ngày Chốt danh sách cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017
19.	42/2017/NQ-HĐQT	24/05/2017	Phê duyệt nội dung hợp đồng vay vốn tại NH TMCP Công thương chi nhánh TP Hồ chí minh cho dự án thủy điện Ca nan 1 và Ca nan 2
20.	43/2017/NQ-HĐQT	05/06/2017	Quyết định triệu tập họp đại hội cổ đông thường niên năm 2017
21.	44/2017/NQ-HĐQT	05/06/2017	QĐ thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự đại hội đồng cổ đông thường niên 2017
22.	49/2017/NQ-HĐQT	20/6/2017	Phê duyệt Tăng vốn điều lệ Công ty TNHH Năng lượng SOVICO-NGHỆ AN lên 245 tỷ đồng
23.	51/2017/NQ-HĐQT	28/6/2017	Thông qua lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017
24.	52/2017/NQ-HĐQT	29/6/2017	Chuyển đổi loại hình, thông qua hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp của Cty CP SCI và đổi tên Cty TNHH Năng lượng SOVICO-Nghệ An thành Công ty TNHH SCI Nghệ An.
25.	54/2017/NQ-HĐQT	21/07/2017	Phê duyệt phương án bảo lãnh tại BIDV Chi nhánh Hà Tây
26.	55/2017/NQ-	29/07/2017	Thông qua kết quả hoạt động SXKD Quý II/2017 và

TT	Số nghị quyết	Ngày /tháng	Nội dung
	HĐQT		Kế hoạch nhiệm vụ Quý III/2017
27.	57/2017/TB-HĐQT	23/08/2017	Phê duyệt phương án thanh lý tài sản cố định (04 xe tải, 02 máy xúc và 01 xe phục vụ Santafe)
28.	58/2017/NQ-HĐQT	05/09/2017	Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty (ông Nguyễn Quốc Chế)
29.	59/2017/NQ-HĐQT	05/09/2017	Miễn nhiệm Kế toán trưởng Công ty (ông Cao Lữ Phi Hùng)
30.	60/2017/NQ-HĐQT	05/09/2017	Bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty (ông Nguyễn Văn Thắng)
31.	61/2017/NQ-HĐQT	20/09/2017	Thông qua mua cổ phần SCI (Công ty cổ phần SCI E&C); Mua cổ phần GEX (Tổng Công ty CP thiết bị điện VN); Bán cổ phần PCT (Công ty CP Vận tải dầu khí Cửu Long).
32.	62/2017/NQ-HĐQT	25/09/2017	Phê duyệt mô hình tổ chức bộ máy áp dụng cho các đơn vị trực tiếp quản lý các dự án đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện của Công ty.
33.	64/2017/NQ-HĐQT	02/10/2017	Phê duyệt phương án thành lập Ban chuẩn bị đầu tư dự án điện mặt trời.
34.	64a/2017/NQ-HĐQT	10/10/2017	Thông qua phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Nhà máy thủy điện Ca Nan 1
35.	65/2017/NQ-HĐQT	18/10/2017	Thông qua đầu tư góp vốn thành lập Công ty cổ phần SCI Điện Biên
36.	67/2017/NQ-HĐQT	23/10/2017	Thông qua đầu tư góp vốn mua cổ phần để tăng tỷ lệ sở hữu đến 51% tại Công ty cổ phần SCI Lai Châu
37.	69/2017/NQ-HĐQT	06/11/2017	Bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty
38.	72/2017/NQ-HĐQT	13/11/2017	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc Công ty (ông Phạm Văn Nghĩa)
39.	74/2017/NQ-HĐQT	20/11/2017	Thông qua phê duyệt Thiết kế kỹ thuật và Tổng dự toán dự án nhà máy thủy điện Ca Nan 1

1.3.4 Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Trong năm 2017, HĐQT có 1 ủy viên HĐQT độc lập là ông Lê Việt Dũng. Ủy viên HĐQT độc lập thường xuyên tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của HĐQT hàng quý, trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, hàng năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty.

1.3.5 Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Lương Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	
3	Ông Đoàn Thế Anh	Thành viên HĐQT	
4	Ông Lê Việt Dũng	Thành viên HĐQT	

5	Ông Nguyễn Văn Phúc	Thành viên HĐQT	
---	---------------------	-----------------	--

2. Ban kiểm soát

2.1 Thành viên BKS và cơ cấu của BKS

- Ông Phan Dương Mạnh	- Trưởng BKS	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
- Ông Phan Thanh Hải	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016
- Ông Trần Kim Sơn	- Thành viên BKS	Bổ nhiệm ngày 29/04/2016

2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát

- Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã tham gia trực tiếp vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị hàng quý. Ban kiểm soát đã trực tiếp nắm bắt thông tin quản trị và báo cáo tài chính hàng quý, năm từ các bộ phận chuyên môn của Công ty; đã tham gia để Ban Tổng giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị kịp thời.

- Ban kiểm soát đã tiếp nhận tất cả các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành trong năm để tham gia giám sát thực hiện.

- Thực hiện đầy đủ công tác báo cáo, kiểm tra giám sát, thực hiện các quyền hạn và trách nhiệm đúng với quy chế và các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

3.1 Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Dự toán năm 2017		Thực hiện năm 2017	
				Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm	Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm
A	Hội đồng quản trị						
1	Nguyễn Công Hùng	CT	12	15.000.000	180.000.000	15.000.000	180.000.000
2	Lương Thanh Tùng	UV	12	12.000.000	144.000.000	12.000.000	144.000.000
3	Đoàn Thế Anh	UV	12	8.000.000	96.000.000	8.000.000	96.000.000
4	Lê Việt Dũng	UV	12	8.000.000	96.000.000	8.000.000	96.000.000
5	Nguyễn Văn Phúc	UV	12	8.000.000	96.000.000	8.000.000	96.000.000
B	Ban kiểm soát						
1	Phan Dương Mạnh	TB	12	12.000.000	144.000.000	12.000.000	144.000.000
2	Phan Thanh Hải	TV	12	6.000.000	72.000.000	6.000.000	72.000.000

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Dự toán năm 2017		Thực hiện năm 2017	
				Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm	Số tiền thù lao 1 tháng	Số tiền thù lao cả năm
3	Trần Kim Sơn	TV	12	6.000.000	72.000.000	6.000.000	72.000.000
	Tổng cộng		.		900.000.000		900.000.000

3.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Công Hùng	CTHĐQT	420.000	1.08%	1.420.000	3.66%	Đầu tư

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có

3.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2017, Công ty đã tuân thủ đúng các quy định hiện hành về Công tác quản trị Công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm)

Nơi nhận :

- Công bố TT ;
- Lưu VT, TCKT



P.TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Phúc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)





CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-43

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SCI (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Công Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Việt Dũng	Ủy viên
Ông Lương Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Phúc	Ủy viên
Ông Đoàn Thế Anh	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lương Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/11/2017
Ông Đoàn Thế Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quốc Chế	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Phúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Phan Dương Mạnh	Trưởng ban
Ông Phan Thanh Hải	Thành viên
Ông Trần Kim Sơn	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

Số: 407/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần SCI

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần SCI được lập ngày 30 tháng 03 năm 2018, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần SCI tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần SCI cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận và ý kiến chấp nhận toàn phần.



Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam

Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 09 tháng 04 năm 2018

Mai Quang Hiệp
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 01320-2018-126-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		746.853.247.759	609.516.251.345
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	56.831.673.722	63.661.423.814
111	1. Tiền		56.831.673.722	50.661.423.814
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	13.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	83.985.584.192	174.681.548.492
121	1. Chứng khoán kinh doanh		89.094.323.061	40.912.601.561
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		(5.358.738.869)	(6.481.053.069)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		250.000.000	140.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		352.669.892.515	190.996.469.659
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	264.262.048.579	129.910.504.903
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		57.440.325.171	33.423.804.106
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	14.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	40.684.165.735	51.497.067.216
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(23.716.646.970)	(23.834.906.566)
140	IV. Hàng tồn kho	9	210.322.479.528	168.840.681.453
141	1. Hàng tồn kho		210.322.479.528	168.861.718.985
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	(21.037.532)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		43.043.617.802	11.336.127.926
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	1.348.886.904	732.628.369
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		41.598.594.519	10.420.525.817
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	96.136.379	182.973.740
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		837.642.676.531	365.155.208.580
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		367.500.000	4.578.774.500
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		-	3.962.814.500
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	367.500.000	615.960.000
220	II. Tài sản cố định		168.466.975.469	149.686.677.357
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	168.370.100.518	149.577.302.402
222	- Nguyên giá		273.690.234.490	246.367.858.218
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(105.320.133.972)	(96.790.555.816)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	96.874.951	109.374.955
228	- Nguyên giá		342.500.000	342.500.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(245.625.049)	(233.125.045)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	449.842.159.648	114.079.736.524
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		449.842.159.648	114.079.736.524
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	207.550.000.000	85.550.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		67.550.000.000	85.550.000.000
255	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		140.000.000.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.416.041.414	11.260.020.199
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	2.367.667.881	9.380.779.799
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.a	9.048.373.533	1.879.240.400
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.584.495.924.290	974.671.459.925

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤTTại ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		959.851.971.197	474.594.806.286
310	I. Nợ ngắn hạn		616.380.286.546	340.186.415.226
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	165.623.066.479	72.460.109.491
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	56.371.523.033	31.903.514.724
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	14.212.535.149	5.818.093.488
314	4. Phải trả người lao động		32.342.312.492	19.801.598.553
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	41.307.132.778	11.196.322.793
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	18.074.312.978	4.963.467.289
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	286.494.046.320	191.794.148.843
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.955.357.317	2.249.160.045
330	II. Nợ dài hạn		343.471.684.651	134.408.391.060
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	56.815.000	56.815.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	341.749.252.465	131.375.412.337
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	28.b	1.665.617.186	2.976.163.723
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		624.643.953.093	500.076.653.639
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	624.643.953.093	500.076.653.639
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		388.491.390.000	388.491.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		388.491.390.000	388.491.390.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		982.166.000	982.166.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		10.203.005.635	9.226.367.080
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		65.419.481.471	42.692.268.458
421a	- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		43.714.254.700	27.948.886.409
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.705.226.771	14.743.382.049
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		159.547.909.987	58.684.462.101
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.584.495.924.290	974.671.459.925

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởngLương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	580.890.476.795	293.418.317.199
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		580.890.476.795	293.418.317.199
11	4. Giá vốn hàng bán	23	533.120.161.987	251.159.640.683
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		47.770.314.808	42.258.676.516
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	17.419.504.739	74.887.962.144
22	7. Chi phí tài chính	25	37.710.918.916	45.474.373.894
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		32.534.206.370	24.101.994.486
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	39.929.159.950	55.175.656.967
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(12.450.259.319)	16.496.607.799
31	12. Thu nhập khác		1.697.283.695	2.170.279.169
32	13. Chi phí khác		1.626.771.487	3.961.653.982
40	14. Lợi nhuận khác		70.512.208	(1.791.374.813)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(12.379.747.111)	14.705.232.986
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	14.662.936.943	3.009.846.875
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	28.c	(8.479.679.670)	(1.832.172.000)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(18.563.004.384)	13.527.558.111
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		(14.583.068.999)	15.236.284.008
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(3.979.935.385)	(1.708.725.897)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	(375)	392

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(12.379.747.111)	14.705.232.986
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		26.963.230.795	19.657.087.127
03	- Các khoản dự phòng		(1.261.611.328)	14.298.124.769
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.309.624)	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(59.371.376.667)	(17.876.980.473)
06	- Chi phí lãi vay		32.534.206.370	24.101.994.486
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.516.607.565)	54.885.458.895
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(180.813.659.451)	70.883.002.034
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(41.460.760.543)	(37.812.668.831)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		173.204.487.607	(1.078.843.388)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		6.396.853.383	(2.197.593.684)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(48.181.721.500)	164.904.770.831
14	- Tiền lãi vay đã trả		(32.178.288.623)	(23.922.318.474)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.410.101.265)	(8.334.498.664)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(1.189.637.259)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(142.959.797.957)	216.137.671.460
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(193.242.365.134)	(163.690.877.035)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.012.272.725	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.000.000.000)	(140.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		14.200.000.000	2.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(5.000.000.000)
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		15.913.668.265	6.319.459.520
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(175.116.424.144)	(300.371.417.515)
	III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		992.034.844.102	369.598.062.498
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(680.789.681.717)	(254.420.774.544)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		311.245.162.385	115.177.287.954
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.831.059.716)	30.943.541.899

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Tri,
phường Mỹ Tri, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		63.661.423.814	32.717.881.915
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.309.624	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>56.831.673.722</u>	<u>63.661.423.814</u>

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần SCI (tiền thân là Công ty Cổ phần Sông Đà 909) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101405355 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 28 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ mười hai ngày 25 tháng 10 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 388.491.390.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 388.491.390.000 đồng; tương đương 38.849.139 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động thi công xây lắp và cung cấp các dịch vụ cho thuê máy móc xây dựng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Đầu tư xây dựng các nhà máy thủy điện, quản lý vận hành nhà máy thủy điện, bán điện;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng khác: Thi công các công trình dân dụng, công nghiệp, xây dựng thủy điện, các công trình thủy lợi, giao thông đường bộ các cấp, sân bay, bến cảng, cầu cống, các công trình hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, thi công san lấp nền móng, xử lý nền đất yếu, các công trình thoát nước, gia công lắp đặt đường ống công nghệ và áp lực.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần SCI E&C	Hà Nội	60,50%	60,50%	Xây dựng và các hoạt động liên quan đến xây dựng
Công ty TNHH SCI Nghệ An (trước là Công ty TNHH Năng lượng Sovico Nghệ An)	Nghệ An	0,00%	0,00%	Sản xuất và kinh doanh điện năng
Công ty Cổ phần Tư vấn SCI	Hà Nội	91,43%	96,00%	Khảo sát, tư vấn thiết kế
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	Lai Châu	99,72%	99,72%	Sản xuất và kinh doanh điện năng

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Các phương pháp kế toán khác khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn:

- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty mẹ không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư trước đây được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.
- Trường hợp trước ngày công ty mẹ đạt được quyền kiểm soát, công ty con là công ty liên kết của công ty mẹ và đã được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: Tại thời điểm đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư được đánh giá lại theo giá trị hợp lý và phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ thoái một phần vốn và vẫn nắm giữ quyền kiểm soát đối với công ty con: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cho cổ đông không kiểm soát cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trí,
phường Mỹ Trí, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	20	năm
- Phần mềm kế toán	20	năm
- Nhãn hiệu, thương hiệu	20	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi năm tài chính được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Doanh thu hợp đồng xây dựng

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập Báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.
- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

2.21 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	3.867.555.635	1.332.514.825
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	51.490.618.087	49.328.908.989
Tiền đang chuyển	1.473.500.000	-
Các khoản tương đương tiền	-	13.000.000.000
	<u>56.831.673.722</u>	<u>63.661.423.814</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	250.000.000	250.000.000	140.250.000.000	140.250.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	250.000.000	250.000.000	250.000.000	250.000.000
Hợp đồng ủy thác đầu tư (*)	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000
Đầu tư dài hạn	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
Trái phiếu (*)	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
	<u>140.250.000.000</u>	<u>140.250.000.000</u>	<u>140.250.000.000</u>	<u>140.250.000.000</u>

(*) Khoản đầu tư trái phiếu của Công ty TNHH Thiết bị và Xây lắp Huy Hoàng, số lượng 140 trái phiếu, mệnh giá trái phiếu 1.000.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn trái phiếu từ ngày 29/06/2016 đến ngày 29/06/2021. Lãi trái phiếu thanh toán 1 năm/lần vào ngày 29/06 hàng năm. Khoản đầu tư trái phiếu được hình thành từ Hợp đồng ủy thác đầu tư số 10/2016/HĐQL/IBFM-SCI ngày 27/06/2016 và Hợp đồng ủy thác đầu tư số 11/2016/HĐQL/IBFM-S99 ngày 28/06/2016 với Công ty Cổ phần Quản lý quỹ IB.

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	89.094.323.061	105.715.138.700	(5.358.738.869)	40.912.601.561	35.109.257.500	(6.481.053.069)
GEX	70.041.671.500	91.116.957.000	-	-	-	-
PCT	9.535.280.992	10.439.550.000	-	18.212.390.992	18.890.100.000	-
SDA	7.410.000.000	2.686.664.600	(4.723.335.400)	7.410.000.000	3.466.664.000	(3.943.336.000)
STG	-	-	-	3.877.500.000	3.877.500.000	-
DDV	-	-	-	5.401.440.000	3.511.900.000	(1.889.540.000)
VTX	1.475.610.000	1.377.236.000	(98.374.000)	1.475.610.000	1.377.236.000	(98.374.000)
Cổ phiếu khác	631.760.569	94.731.100	(537.029.469)	4.535.660.569	3.985.857.500	(549.803.069)
	<u>89.094.323.061</u>	<u>105.715.138.700</u>	<u>(5.358.738.869)</u>	<u>40.912.601.561</u>	<u>35.109.257.500</u>	<u>(6.481.053.069)</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác	67.550.000.000	67.550.000.000	-	85.550.000.000	85.550.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	550.000.000	550.000.000	-	550.000.000	550.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	37.000.000.000	37.000.000.000	-	37.000.000.000	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần SCI Lai Châu	-	-	-	18.000.000.000	18.000.000.000	-
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam	30.000.000.000	30.000.000.000	-	30.000.000.000	30.000.000.000	-
	67.550.000.000	67.550.000.000	-	85.550.000.000	85.550.000.000	-

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển				
Công ty Cổ phần Hạ tầng Fecon	Hà Nội	14,29%	14,29%	Phát triển dự án, thi công thủy điện
Quỹ đầu tư, khám phá giá trị Ngân hàng Công thương Việt Nam (*)	Hà Nội	30,00%	30,00%	Đầu tư tài chính

(*) Theo biên bản thỏa thuận góp vốn ngày 03/09/2015 về việc thành lập Quỹ đầu tư, khám phá giá trị ngân hàng Công thương Việt Nam giữa các bên là Công ty Cổ phần SCI, Công ty Cổ phần Chứng khoán IB, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bưu điện và Công ty Cổ phần FTG Việt Nam như sau:

- Thời gian hoạt động của quỹ: 05
- Tổng vốn góp: 100 tỷ đồng;
- Vốn góp cam kết của SCI: 30 tỷ
- Lĩnh vực đầu tư: Cổ phiếu niêm yết, các cổ phiếu chưa niêm yết, các doanh nghiệp IPO, các doanh nghiệp thoái vốn Nhà nước, trở thành cổ đông lớn trong các doanh nghiệp đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần kho vận Miền Nam	-	19.197.109.863
Liên danh CMC/ITD/Sông Đà	26.574.835.987	9.925.899.638
Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	20.514.021.208	19.508.203.926
Ban điều hành Dự án Thủy điện Lai Châu	22.313.695.966	9.309.699.230
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	125.928.923.363	7.269.199.361
Công ty TNHH Xây dựng Chicharueune	16.013.291.948	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	52.917.280.107	64.700.392.885
	<u>264.262.048.579</u>	<u>129.910.504.903</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Phải thu khách hàng ngắn hạn	264.262.048.579	129.910.504.903
	<u>264.262.048.579</u>	<u>129.910.504.903</u>

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần DVC Việt Nam (*)	14.000.000.000	-
Các khoản cho vay ngắn hạn khác	-	-
	<u>14.000.000.000</u>	<u>-</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:

(*) Hợp đồng vay vốn số 11/2017/HĐTD ngày 04/07/2017 với các nội dung sau:

- + Số tiền cho vay: 14.000.000.000 đồng
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 03 tháng kể từ ngày 04/07/2017 đến 03/10/2017 và được tự động gia hạn;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định, 4,9/năm.
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 14.000.000.000 đồng.
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay đảm bảo bằng hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.632.311.111	-	6.788.853.608	-
Phải thu người lao động	1.154.106.227	-	318.438.120	-
Phải thu về kinh phí công đoàn	6.451.250	-	6.451.250	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	3.262.345	-	-	-
Tạm ứng	9.673.124.191	-	12.188.772.338	-
Ký cược, ký quỹ	19.500.000	-	16.000.000	-
Phải thu tiền giao dịch tại các Công ty chứng khoán	38.304.270	-	8.171.397.525	-
Phải thu vật tư tạm ứng cho thầu phụ	2.607.389.570	-	3.904.368.181	-
Công ty Hitec	1.298.150.000	-	1.298.150.000	-
Thuế nhà thầu Công trình NamThaun Lào	1.651.087.692	-	-	-
Phải thu khác	16.600.479.079	(4.939.698.164)	18.804.636.194	(5.593.450.343)
	<u>40.684.165.735</u>	<u>(4.939.698.164)</u>	<u>51.497.067.216</u>	<u>(5.593.450.343)</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	367.500.000	-	615.960.000	-
	<u>367.500.000</u>	<u>-</u>	<u>615.960.000</u>	<u>-</u>

8 . NỢ XẤU

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Xây lắp và Phát triển Thành Nam	6.248.083.094	3.124.041.547	6.248.083.094	4.373.658.166
- Công ty CP Xây dựng Dịch vụ và Thương mại 68	3.425.189.422	1.712.594.711	3.425.189.422	2.397.632.595
- Công ty Cổ phần Licogi 13	-	-	6.843.046.996	4.790.132.897
- Ban điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	16.024.045.596	8.809.179.698	14.013.038.180	7.006.519.090
- Các khoản khác	16.105.697.091	4.440.552.277	29.321.230.315	17.456.738.693
	<u>41.803.015.203</u>	<u>18.086.368.233</u>	<u>59.850.588.007</u>	<u>36.024.681.441</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	22.003.317.574	-	27.424.030.439	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	188.319.161.954	-	141.437.688.546	-
	<u>210.322.479.528</u>	<u>-</u>	<u>168.861.718.985</u>	<u>-</u>

10 . TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	449.842.159.648	114.079.736.524
Dự án Thủy điện Mường Luân, Điện Biên	1.832.871.818	-
Dự án Thủy điện Nậm Xe	1.588.955.838	27.272.727
Dự án Thủy điện Nậm Lum	1.598.145.417	63.636.364
Dự án Thủy điện Cannan	444.822.186.575	113.988.827.433
	<u>449.842.159.648</u>	<u>114.079.736.524</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	11.221.128.927	142.801.600.105	83.053.973.178	512.823.280	8.778.332.728	246.367.858.218
- Mua trong kỳ	-	28.622.247.727	18.319.346.357	171.986.364	-	47.113.580.448
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.343.986.565)	(10.447.217.611)	-	-	(19.791.204.176)
- Phân loại lại	-	-	8.778.332.728	-	(8.778.332.728)	-
Số dư cuối kỳ	11.221.128.927	162.079.861.267	99.704.434.652	684.809.644	-	273.690.234.490
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	6.517.637.016	49.335.477.638	40.425.140.887	402.571.117	109.729.158	96.790.555.816
- Khấu hao trong kỳ	280.528.224	16.306.044.829	10.281.582.197	82.575.541	-	26.950.730.791
- Thanh lý, nhượng bán	-	(8.464.941.130)	(9.956.211.505)	-	-	(18.421.152.635)
Số dư cuối kỳ	6.798.165.240	57.176.581.337	40.750.511.579	485.146.658	109.729.158	105.320.133.972
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.703.491.911	93.466.122.467	42.628.832.291	110.252.163	8.668.603.570	149.577.302.402
Tại ngày cuối kỳ	4.422.963.687	104.903.279.930	58.953.923.073	199.662.986	(109.729.158)	168.370.100.518

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 41.230.600.302 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Nhãn hiệu, thương hiệu VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Số dư cuối kỳ	92.500.000	250.000.000	342.500.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	92.500.000	140.625.045	233.125.045
- Khấu hao trong kỳ	-	12.500.004	12.500.004
Số dư cuối kỳ	92.500.000	153.125.049	245.625.049
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	109.374.955	109.374.955
Tại ngày cuối kỳ	-	96.874.951	96.874.951

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	963.531.862	650.227.338
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	385.355.042	82.401.031
	<u>1.348.886.904</u>	<u>732.628.369</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa văn phòng	703.269.941	3.026.527.986
Chi phí xưởng đúc cọc Long Phú	176.621.958	-
Chi phí Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.223.887.093	5.715.443.758
Chi phí trả trước dài hạn khác	263.888.889	638.808.055
	<u>2.367.667.881</u>	<u>9.380.779.799</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP DVC Việt Nam	12.605.286.378	12.605.286.378	10.519.685.177	10.519.685.177
Công ty TNHH DONARCO	16.058.148.425	16.058.148.425	86.652.500	86.652.500
Công ty TNHH Hoàng Sơn Fly Ash And Cement	17.810.692.800	17.810.692.800	2.988.300.000	2.988.300.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp Tân Hoàng Mai	11.095.369.161	11.095.369.161	6.715.683.926	6.715.683.926
Voith Hydro Private Limited	11.512.148.442	11.512.148.442	6.817.500	6.817.500
Công ty TNHH PETRO Lào	14.159.040.009	14.159.040.009	-	-
Phải trả các đối tượng khác	82.382.381.264	82.382.381.264	52.142.970.388	52.142.970.388
	<u>165.623.066.479</u>	<u>165.623.066.479</u>	<u>72.460.109.491</u>	<u>72.460.109.491</u>
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	165.623.066.479	165.623.066.479	72.460.109.491	72.460.109.491
	<u>165.623.066.479</u>	<u>165.623.066.479</u>	<u>72.460.109.491</u>	<u>72.460.109.491</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi nhánh Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	54.398.244.034	29.370.854.216
Khách hàng khác	1.973.278.999	2.532.660.508
	<u>56.371.523.033</u>	<u>31.903.514.724</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	16.159.891.640	15.987.509.445	7.120.846	179.503.041
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	6.804.000	6.804.000	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	52.863.721	5.440.357.923	14.690.336.203	6.410.101.265	-	13.667.729.140
Thuế Thu nhập cá nhân	-	332.940.515	884.403.966	896.836.563	-	320.507.918
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	130.110.019	-	41.094.486	-	89.015.533	-
Các loại thuế khác	-	5.190.507	7.849.876	7.849.876	-	5.190.507
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	39.604.543	4.499.492	4.499.492	-	39.604.543
	182.973.740	5.818.093.488	31.794.879.663	23.313.600.641	96.136.379	14.212.535.149

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	885.630.246	529.712.499
Tiền sử dụng vật tư quá định mức phải trả	-	470.085.917
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn công trình	39.906.502.532	9.774.321.824
Chi phí phải trả khác	515.000.000	422.202.553
	<u>41.307.132.778</u>	<u>11.196.322.793</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	692.108.309	411.603.861
Bảo hiểm xã hội	50.878.513	314.957.327
Bảo hiểm thất nghiệp	2.175.960	38.810.950
Công ty Cổ phần Chứng khoán IB	8.604.169.551	-
Thù lao Hội đồng quản trị và BKS	593.400.000	519.000.000
Phải trả vật tư tạm nhập trong kỳ	1.280.598.517	1.581.524.000
Liên danh chủ đầu tư công trình Namtheun (JV)	4.306.819.108	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>2.544.163.020</u>	<u>2.097.571.151</u>
	<u>18.074.312.978</u>	<u>4.963.467.289</u>
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	56.815.000	56.815.000
	<u>56.815.000</u>	<u>56.815.000</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	167.612.149.067	167.612.149.067	673.500.982.064	658.815.252.871	182.297.878.260	182.297.878.260
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽¹⁾	118.647.529.279	118.647.529.279	580.584.887.657	555.190.988.275	144.041.428.661	144.041.428.661
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh ⁽²⁾	47.164.619.788	47.164.619.788	70.416.094.407	93.324.264.596	24.256.449.599	24.256.449.599
- Công ty CP DVC Việt Nam ⁽³⁾	-	-	14.000.000.000	-	14.000.000.000	14.000.000.000
- Vay ngắn hạn cá nhân	1.800.000.000	1.800.000.000	8.500.000.000	10.300.000.000	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	24.181.999.776	24.181.999.776	101.988.597.130	21.974.428.846	104.196.168.060	104.196.168.060
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Anh	6.752.750.000	6.752.750.000	6.548.250.000	6.752.750.000	6.548.250.000	6.548.250.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây	17.429.249.776	17.429.249.776	10.440.347.130	15.221.678.846	12.647.918.060	12.647.918.060
- Trái phiếu thường	-	-	85.000.000.000	-	85.000.000.000	85.000.000.000
	191.794.148.843	191.794.148.843	775.489.579.194	680.789.681.717	286.494.046.320	286.494.046.320



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây ⁽⁴⁾	28.052.944.650	28.052.944.650	20.567.563.200	16.383.521.910	32.236.985.940	32.236.985.940
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh ⁽⁵⁾	18.322.467.687	18.322.467.687	275.000.000	6.776.500.000	11.820.967.687	11.820.967.687
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh HCM ⁽⁶⁾	-	-	297.691.298.838	-	297.691.298.838	297.691.298.838
- Trái phiếu thường ⁽⁷⁾	85.000.000.000	85.000.000.000	-	85.000.000.000	-	-
	<u>131.375.412.337</u>	<u>131.375.412.337</u>	<u>318.533.862.038</u>	<u>108.160.021.910</u>	<u>341.749.252.465</u>	<u>341.749.252.465</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Tây Hợp đồng tín dụng số 01/2017/283367/HĐTD ngày 17/03/2017	700.000.000.000	Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của từng thời kỳ	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC	12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng	144.041.428.661	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
2	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh Hợp đồng tín dụng số 17293/HMCV/HĐTD.DAH ngày 31/07/2017	50.000.000.000	Lãi suất vay được quy định cụ thể cho từng hợp đồng	Tài trợ các nhu cầu tín dụng hợp pháp, hợp lý, hợp lệ, phục vụ hoạt động thi công, xây lắp công trình	Thời hạn cấp tín dụng là đến 30/06/2018	24.256.449.599	Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản
3	Công ty Cổ phần DVC Việt Nam Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/2017 ngày 04/07/2017	10.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	10.000.000.000	Tín chấp
	Hợp đồng vay vốn số 02/HĐVV/2017 ngày 19/09/2017	4.000.000.000	Lãi suất cố định là 5%/năm	Bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Kỳ hạn 03 tháng và tự động gia hạn	4.000.000.000	Tín chấp



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây					44.884.904.000	
	Hợp đồng tín dụng số 04/2014/283367/HĐTD ngày 18/12/2014	6.195.600.000	Lãi suất ban đầu là 11%/năm, sau được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Đầu tư dự án nâng cao thiết bị thi công năm 2014 (giai đoạn 6)	60 tháng kể từ ngày rút vốn vay đầu tiên	2.910.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2015/283367/HĐTD ngày 11/08/2015	11.470.014.114	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	6.380.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2015/283367/HĐTD ngày 28/09/2015	3.111.500.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2015 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	1.398.404.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTD ngày 31/08/2016	8.075.200.000	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.975.200.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2016/283367/HĐTD ngày 14/10/2016	4.235.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 2.2)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	3.150.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 04/2016/283367/HĐTD ngày 03/11/2016	13.571.293.400	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 31/12/2016, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2016 (Giai đoạn 3.1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	9.380.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 02/2017/283367/HĐTD ngày 05/06/2017	8.000.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 1)	60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	5.976.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Thông tin bổ sung các khoản vay dài hạn (tiếp)

STT	Ngân hàng/Hợp đồng	Hạn mức/ Số tiền vay	Lãi suất vay	Mục đích vay	Thời hạn hợp đồng	Dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017	Phương thức bảo đảm tiền vay
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (tiếp)						
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 16/06/2017	642.000.000	Lãi suất cố định 10%/năm đến hết 30/06/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua ô tô Ford Ranger Wildtrak 3.2	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	536.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng tín dụng số 03/2017/283367/HĐTD ngày 07/11/2017	31.800.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm đến hết 31/12/2017, sau đó được điều chỉnh thả nổi, 03 tháng/lần	Mua sắm MMTB theo Dự án nâng cao năng lực thi công 2017 (Giai đoạn 2.2)	36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	9.179.300.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh					18.369.217.687	
	Hợp đồng vay số DAH- HĐCTD/14102 ngày 24/10/2014	1.875.000.000	Lãi suất cố định 10,5%/năm trong 12 tháng đầu tiên, sau được điều chỉnh 03 tháng/lần	Mua máy móc thiết bị	42 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	144.250.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 15189/TH.HĐTD.DAH ngày 26/08/2015	882.000.000	Theo thông báo lãi suất cho vay từng thời kỳ, được thay đổi 03 tháng/lần	Mua tài tổ hợp 01 đầu kéo và 01 Sômi Romóc	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	486.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16135/TH.HĐTD.DAH ngày 30/05/2016	26.000.000.000	Trước 31/03/2017, áp dụng lãi suất cố định, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng liên quan đến việc đầu tư dự án	60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	10.567.967.687	Tài sản hình thành từ vốn vay
	Hợp đồng vay số 16008/TH.HĐTD.DAH ngày 19/02/2016	12.750.000.000	Trước 31/03/2016, áp dụng lãi suất cố định 9%/năm, sau áp dụng thả nổi, 03 tháng/lần	Bù đắp tiền mua MMTB, PTVT đã đầu tư để nâng cao năng lực thiết bị thi công năm 2015	48 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên	7.171.000.000	Tài sản hình thành từ vốn vay



CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

6 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh					297.691.298.838	
Hợp đồng cho vay Dự án đầu tư	567.982.000.000	Lãi suất vay được quy định tại	Thanh toán chi phí đầu	14 năm kể từ ngày	297.691.298.838	Tài sản hình thành
số 17.2680030/2017-		từng lần nhận nợ và được điều	tư Dự án thủy điện Ca	tiếp theo của ngày		từ vốn vay
HĐCVDADT/NHCT900-		chính theo quy định của Ngân	Nan 1 và Ca Nan 2	giải ngân khoản		
SOVICO NGHEAN		hàng từng thời kỳ		vay đầu tiên		

Thông tin bổ sung khoản phát hành trái phiếu

7 Trái phiếu thường

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn	Giá trị VND	Lãi suất %	Kỳ hạn
Trái phiếu phát hành						
Loại phát hành theo mệnh giá	85.000.000.000	10%	36 tháng	85.000.000.000	10%	36 tháng
	85.000.000.000			85.000.000.000		

Trong năm 2015, Công ty phát hành 85 trái phiếu với kỳ hạn 36 tháng, mệnh giá 1.000.000.000 đồng/trái phiếu. Lãi suất áp dụng cho 2 kỳ tính lãi đầu tiên là 10%, các kỳ sau được điều chỉnh theo lãi suất ngân hàng tại từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội



Edited with the trial version of
Foxit Advanced PDF Editor

To remove this notice, visit:
www.foxitsoftware.com/shopping

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	370.000.000.000	982.166.000	8.192.087.059	48.166.320.441	61.057.824.009	488.398.397.509
Tăng vốn trong kỳ trước	18.491.390.000	-	-	(18.491.390.000)	-	-
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	15.236.284.008	(1.708.725.897)	13.527.558.111
Phân phối lợi nhuận	-	-	1.034.280.021	(1.585.896.032)	(529.984.011)	(1.081.600.022)
Tạm ứng thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	(492.901.959)	-	(492.901.959)
Giảm khác	-	-	-	(140.148.000)	(134.652.000)	(274.800.000)
Số dư cuối kỳ trước	388.491.390.000	982.166.000	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.639
Số dư đầu năm nay	388.491.390.000	982.166.000	9.226.367.080	42.692.268.458	58.684.462.101	500.076.653.639
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	120.000.000	120.000.000
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	(14.583.068.999)	(3.979.935.385)	(18.563.004.384)
Phân phối lợi nhuận	-	-	282.664.891	(433.419.500)	(144.842.663)	(295.597.272)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	(2.450.000.000)	(2.450.000.000)
Thay đổi do tăng tỷ lệ lợi ích tại Công ty SCI E&C	-	-	693.973.664	2.630.800.402	(12.634.774.066)	(9.310.000.000)
Thay đổi do giảm tỷ lệ lợi ích tại Công ty SCI Nghệ An	-	-	-	36.015.000.000	120.050.000.000	156.065.000.000
Tạm ứng thu lao BKS và HĐQT	-	-	-	(861.000.000)	(147.000.000)	(1.008.000.000)
Tăng khác	-	-	-	-	50.000.000	50.000.000
Giảm khác	-	-	-	(41.098.890)	-	(41.098.890)
Số dư cuối kỳ này	388.491.390.000	982.166.000	10.203.005.635	65.419.481.471	159.547.909.987	624.643.953.093

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Đình,
phường Mỹ Đình, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của các cổ đông	100,00%	388.491.390.000	100,00%	388.491.390.000
	<u>100%</u>	<u>388.491.390.000</u>	<u>100%</u>	<u>388.491.390.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	388.491.390.000	388.491.390.000
- Vốn góp đầu năm	388.491.390.000	370.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	18.491.390.000
- Vốn góp cuối năm	388.491.390.000	388.491.390.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.849.139	38.849.139
- Cổ phiếu phổ thông	38.849.139	38.849.139
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.849.139	38.849.139
- Cổ phiếu phổ thông	38.849.139	38.849.139
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

- Đồng đô la Mỹ (USD)

	31/12/2017	01/01/2017
	540,92	263,41

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng	25.892.632.660	4.257.547.743
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.964.576.210	3.223.190.636
Doanh thu hợp đồng xây dựng	544.033.267.925	285.937.578.820
	<u>580.890.476.795</u>	<u>293.418.317.199</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	24.144.986.374	3.488.742.187
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.429.159.808	2.700.815.923
Giá vốn hợp đồng xây dựng	502.567.053.337	244.970.082.573
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(21.037.532)	-
	<u>533.120.161.987</u>	<u>251.159.640.683</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	16.356.707.268	9.790.608.792
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	485.780.500	-
Lãi bán các khoản đầu tư	-	54.881.365.980
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.418.500	10.080.113.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	175.288.847	135.873.872
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.309.624	-
	17.419.504.739	74.887.962.144

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	32.534.206.370	24.101.994.486
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	1.512.777.779	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.690.596.000	21.641.552.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	122.031.846	122.356.437
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(1.122.314.200)	(2.313.256.345)
Chi phí tài chính khác	973.621.121	1.921.726.530
	37.710.918.916	45.474.373.894

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.309.549.629	3.859.980.846
Chi phí nhân công	17.273.420.941	16.426.499.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.735.637.021	1.992.292.846
Thuế, phí, lệ phí	932.861.442	698.049.099
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(118.259.596)	16.611.381.114
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.786.558.919	7.298.769.890
Chi phí khác bằng tiền	7.009.391.594	8.288.683.514
	39.929.159.950	55.175.656.967

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	14.662.936.943	3.009.846.875
	14.662.936.943	3.009.846.875

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	9.048.373.533	1.879.240.400
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.048.373.533	1.879.240.400

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.665.617.186	2.976.163.723
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.665.617.186	2.976.163.723

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(8.479.679.670)	(1.879.240.400)
Lỗi tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	47.068.400
	(8.479.679.670)	(1.832.172.000)

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	(14.583.068.999)	15.236.284.008
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(14.583.068.999)	15.236.284.008
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	38.849.139	38.849.139
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(375)	392

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	234.990.357.240	158.835.499.855
Chi phí nhân công	59.602.784.386	72.040.334.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.963.230.795	19.309.522.316
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.606.027.415	38.307.391.903
Chi phí khác bằng tiền	187.681.152.575	22.505.403.613
	625.843.552.411	310.998.152.483

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.831.673.722	-	63.661.423.814	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	305.313.714.314	(23.716.646.970)	182.023.532.119	(23.834.906.566)
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	89.344.323.061	(5.358.738.869)	181.162.601.561	(6.481.053.069)
Đầu tư dài hạn	207.550.000.000	-	85.550.000.000	-
	673.039.711.097	(29.075.385.839)	512.397.557.495	(30.315.959.635)
	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			628.243.298.785	323.169.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác			183.754.194.457	77.480.391.780
Chi phí phải trả			41.307.132.778	11.196.322.793
			853.304.626.020	411.846.275.753

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	56.831.673.722	-	-	56.831.673.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	281.229.567.344	367.500.000	-	281.597.067.344
Các khoản cho vay	14.000.000.000	-	-	14.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn	83.985.584.192	-	-	83.985.584.192
Đầu tư dài hạn	-	207.550.000.000	-	207.550.000.000
	436.046.825.258	207.917.500.000	-	643.964.325.258
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	63.661.423.814	-	-	63.661.423.814
Phải thu khách hàng, phải thu khác	157.572.665.553	615.960.000	-	158.188.625.553
Đầu tư ngắn hạn	174.681.548.492	-	-	174.681.548.492
Đầu tư dài hạn	-	85.550.000.000	-	85.550.000.000
	395.915.637.860	86.165.960.000	-	482.081.597.860

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mễ Trì,
phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2017				
Vay và nợ	286.494.046.320	44.057.953.627	297.691.298.838	628.243.298.785
Phải trả người bán, phải trả khác	183.697.379.457	56.815.000	-	183.754.194.457
Chi phí phải trả	41.307.132.778	-	-	41.307.132.778
	<u>511.498.558.555</u>	<u>44.114.768.627</u>	<u>297.691.298.838</u>	<u>853.304.626.020</u>
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	191.794.148.843	131.375.412.337	-	323.169.561.180
Phải trả người bán, phải trả khác	77.423.576.780	56.815.000	-	77.480.391.780
Chi phí phải trả	11.196.322.793	-	-	11.196.322.793
	<u>280.414.048.416</u>	<u>131.432.227.337</u>	<u>-</u>	<u>411.846.275.753</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

33 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chiếm trên 90% tổng doanh thu hoạt động. Do đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Theo khu vực địa lý

	Trong nước VND	Nước ngoài VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	452.847.031.496	128.043.445.299	580.890.476.795
Tài sản bộ phận	1.492.043.439.197	92.452.485.093	1.584.495.924.290
Tổng chi phí mua TSCĐ	47.113.580.448	-	47.113.580.448

CÔNG TY CỔ PHẦN SCI

Tầng 3, tháp C, tòa nhà Golden Palace, đường Mỹ Trì,
phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.961.858.539	1.726.600.000
Trong đó, thu nhập của Tổng Giám đốc	482.766.667	420.525.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Nguyễn Thị Tú Quỳnh
Người lập

Nguyễn Văn Thắng
Kế toán trưởng



Lương Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2018

